CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XÂY DỰNG VINAINCON

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vinaincon trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Chi nhánh Tư vấn thiết kế và Xây dựng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng công nghiệp Việt Nam, được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Xây dựng Vinaincon và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0107273056 đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ nhất (lần 01) ngày 25/01/2016.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Vinaincon Engineering and Construction joint stock Company, tên viết tắt: VINAINCON E&C.

Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng (Ba mươi tỷ đồng).

Trụ sở chính: Lầu 3, tòa nhà Vinaincon, số 5 Láng Hạ, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Chí Cường	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hoàng Nam	Thành viên
	Ông Hà Quang Sáng	Thành viên
	Ông Vũ Văn Cầu	Thành viên
	Ông Tạ Đăng Tính	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Tạ Đăng Tính	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thành Nam	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Trần Văn Toan	Phó Tổng giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,

Tạ Đăng Tính
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Trụ sở chính TP. Hà Nội:
Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building,
Số 235 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội.
T +84 (24) 3 783 2121
F +84 (24) 3 783 2122
E info@cpavietnam.vn
W www.cpavietnam.vn

Số: 388/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vinaincon

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vinaincon

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và Xây dựng Vinaincon, được lập ngày 27/03/2020, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Bùi Thị Thúy	**Lưu Anh Tuấn**
Phó Tổng Giám đốc	**Kiểm toán viên**
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1	Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1026-2019-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020của Chủ tịch HĐTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Global Network

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	**100**		**273.114.194.099**	**326.919.478.908**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	5.1	**7.051.811.466**	**33.640.267.423**
1. Tiền	111		7.051.811.466	33.640.267.423
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**40.000.000.000**	**35.000.000.000**
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	40.000.000.000	35.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**164.698.505.015**	**187.550.881.403**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	160.122.645.468	166.567.038.401
2. Trả trước cho người bán	132	5.4	11.674.335.130	36.875.950.540
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	10.197.595.956	929.718.712
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(17.296.071.539)	(16.821.826.250)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**47.737.424.264**	**61.384.700.575**
1. Hàng tồn kho	141	5.7	47.737.424.264	61.384.700.575
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**13.626.453.354**	**9.343.629.507**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.626.453.354	9.343.629.507
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	**200**		**11.778.994.871**	**16.527.553.631**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**-**	**119.408.141**
6. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	-	119.408.141
II. Tài sản cố định	**220**		**11.689.154.508**	**16.161.230.036**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	11.376.654.508	16.136.230.036
- *Nguyên giá*	*222*		26.043.791.014	26.499.791.014
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*223*		(14.667.136.506)	(10.363.560.978)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	312.500.000	25.000.000
- *Nguyên giá*	*228*		525.000.000	75.000.000
- *Giá trị hao mòn lũy kế*	*229*		(212.500.000)	(50.000.000)
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**89.840.363**	**246.915.454**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	89.840.363	246.915.454
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	**270**		**284.893.188.970**	**343.447.032.539**

MẪU B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	**300**		**235.791.581.791**	**296.695.086.855**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**235.791.581.791**	**296.695.086.855**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	165.632.875.458	122.817.704.507
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	10.331.446.231	78.266.117.945
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	1.030.624.402	1.620.141.644
4. Phải trả người lao động	314		5.428.380.532	6.762.730.942
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	6.090.624.028	13.100.583.113
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	5.200.222.601	4.877.615.538
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	-	24.145.646.948
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.16	40.543.705.539	44.036.543.218
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.533.703.000	1.068.003.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	**400**		**49.101.607.179**	**46.751.945.684**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.18**	**49.101.607.179**	**46.751.945.684**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*30.000.000.000*	*30.000.000.000*
- Cổ phiếu ưu đãi	*411b*		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		7.015.498.166	4.317.668.376
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.086.109.013	12.434.277.308
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*1.336.447.518*	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*10.749.661.495*	*12.434.277.308*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	**440**		**284.893.188.970**	**343.447.032.539**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đăng Hiệp	Nguyễn Đăng Hiệp	Tạ Đăng Tính

MẪU B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU		MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1		2	3	4	5
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.19	825.803.704.767	811.782.206.903
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		825.803.704.767	811.782.206.903
4.	Giá vốn hàng bán	11	5.20	817.242.807.775	792.184.413.636
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)**	20		**8.560.896.992**	**19.597.793.267**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.21	2.419.813.186	1.003.133.273
7.	Chi phí tài chính	22	5.22	2.195.836.262	2.752.291.461
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*458.692.266*	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.23	19.039.465.335	20.626.537.458
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}**	30		**(10.254.591.419)**	**(2.777.902.379)**
11.	Thu nhập khác	31		23.769.576.757	21.501.635.821
12.	Chi phí khác	32		77.908.469	3.096.940.139
13.	**Lợi nhuận khác (40 = 31-32)**	40	5.24	**23.691.668.288**	**18.404.695.682**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)**	50		**13.437.076.869**	**15.626.793.303**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.25	2.687.415.374	3.192.515.995
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)**	60		**10.749.661.495**	**12.434.277.308**
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.26	3.583	4.145

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đăng Hiệp	Nguyễn Đăng Hiệp	Tạ Đăng Tính

MẪU B 03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. *Lợi nhuận trước thuế*	01		**13.437.076.869**	**15.626.793.303**
2. *Điều chỉnh cho các khoản*				
- Khấu hao TSCĐ	02		4.466.075.528	4.299.618.473
- Các khoản dự phòng	03		474.245.289	7.296.520.403
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.419.813.186)	(1.370.913.292)
- Chi phí lãi vay	06		458.692.266	-
3. *Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động*	08		**16.416.276.766**	**25.852.018.887**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		22.497.539.240	(24.450.028.203)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		13.647.276.311	(38.581.778.843)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(41.736.542.769)	60.648.226.636
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		157.075.091	(88.056.555)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(458.692.266)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.347.554.568)	(2.415.898.915)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		**7.175.377.805**	**20.964.483.007**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		462.000.000	4.544.179.627
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	367.780.019
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(5.000.000.000)	(31.917.041.667)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.419.813.186	1.003.133.273
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		**(2.118.186.814)**	**(26.001.948.748)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		36.561.573.322	29.295.646.948
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(60.707.220.270)	(5.150.000.000)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(7.500.000.000)	(6.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		**(31.645.646.948)**	**18.145.646.948**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		**(26.588.455.957)**	**13.108.181.207**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		**33.640.267.423**	**20.532.086.216**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	5.1	**7.051.811.466**	**33.640.267.423**

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2020

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đăng Hiệp	Nguyễn Đăng Hiệp	Tạ Đăng Tính